TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14** /2019/DS-ST
Ngày: 17/4/2019
"V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đặng Văn Hai;

Ông: Nguyễn Chí Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2019/TLST-DS, ngày 14/01/2019, về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐST-DS ngày 29/3/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Phạm Tấn B, sinh năm: 1981; Địa chỉ: ấp T T B, xã T D, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

- *Bị đơn*: Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm: 1978; Lê Văn K, sinh năm: 1979; Cùng địa chỉ: ấp T T B, xã T D, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Phạm Thị Ánh L, sinh năm: 1981; Địa chỉ: ấp T T B, xã T D, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2019; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa ông Phạm Tấn B trình bày:

Vào ngày 16 tháng 12(âl) năm 2016 ông Phạm Tấn B có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Cẩm H, ông Lê Văn K vay 50.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/01 tháng, vay không có biên nhận, thỏa thuận thời hạn 06 tháng, quá trình vay

vợ chồng bà H, ông K đóng tiền lãi đầy đủ đến tháng 03 năm 2017 do vợ chồng bà H, ông K bể nợ nên thỏa thuận lại lãi suất là 1%/01 tháng (tiền lãi 01 tháng là 500.000 đồng), sau khi bể nợ vài tháng (khoảng 3 đến 4 tháng) vợ chồng bà H, ông K trả tiền vốn vay được 2.000.000 đồng và tiếp tục đóng tiền lãi đến tháng 9/2018, số tiền lãi vợ chồng bà H, ông K đóng nhiều lần cụ thể bao nhiêu lần, mỗi lần bao nhiêu tiền thì không nhớ, chỉ nhớ có lần 2.000.000 đồng, có lần 1.000.000 đồng, tổng cộng khoảng 10.500.000 đồng. Từ tháng 9 năm 2018 đến nay vợ chồng ông B nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà H, ông K trả nợ vốn vay nhưng đến nay chưa trả vốn vay và tiền lãi. Ngày 28/11/2018 ông B có yêu cầu Ban nhân dân ấp Tân Thuận B hòa giải, tại buổi hòa giải vợ chồng bà H, ông K thừa nhận nợ vay 50.000.000 đồng, yêu cầu được trả 500.000 đồng/01 tháng, trả đến khi hết nợ nhưng vợ chồng bà H, ông K không ký tên vào biên bản hòa giải, do vợ chồng bà H, ông K vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phạm Tấn B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Cẩm H và ông Lê Văn K liên đới trả cho vợ chồng ông B số tiền vốn vay còn nợ là 48.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

* Theo Tờ tường trình ngày 02/03/2019 và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị Cẩm H và Lê Văn K trình bày:

Vào ngày 16 tháng 12(âl) năm 2016 vợ chồng Nguyễn Thị Cẩm H, Lê Văn K có vay của ông B 50.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000đồng/01 tháng, vay không có biên nhận, thỏa thuận thời hạn 06 tháng, quá trình vay vợ chồng bà H, ông K đóng tiền lãi đầy đủ, đến tháng 08 năm 2017 do làm ăn khó khăn, bể nợ nên không đóng tiền lãi, vợ chồng bà H, ông K thỏa thuận với vợ chồng ông B xin được trả vốn không phải trả tiền lãi và đã trả nhiều lần vào các ngày 20/02/2018 là 2.000.000 đồng, ngày 02/3/2018 là 1.500.000 đồng, ngày 28/3/2018 là 2.000.000 đồng, ngày 12/5/2018 là 1.000.000 đồng, ngày 7/6/2018 là 1.000.000 đồng, ngày 02/8/2018 là 2.000.000 đồng, ngày 19/9/2018 là 1.000.000 đồng, tổng cộng đã trả vốn được 10.500.000 đồng, còn nợ tiền vốn vay là 39.500.000 đồng. Ngày 28/11/2018 Ban nhân dân ấp Tân Thuận B hòa giải, tại buổi hòa giải vợ chồng trình bày là còn nợ tiền ông B, xin trả mỗi tháng tiền vốn là 500.000 đồng chứ không có thừa nhận còn nợ vợ chồng ông B 50.000.000 đồng.

Nguyễn Thị Cẩm H, Lê Văn K đồng ý trả cho ông Phạm Tấn B, bà Phạm Thị Ánh L tiền vốn vay còn nợ là 39.500.000đồng, không phải trả tiền lãi.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Ánh L trình bày: Tôi thống nhất như lời trình bày của anh B, sau khi vợ chồng bà H, ông K bể nợ khoảng

tháng 03 năm 2017 có trả cho vợ chồng bà L nhiều lần tiền cụ thể bao nhiêu không nhớ rõ, tổng cộng khoảng 10.500.000 đồng, trong số tiền này có 2.000.000 đồng là trả tiền vốn vay, 8.500.000 đồng là trả tiền lãi của bao nhiêu tháng bà L không nhớ rõ. Vợ chồng bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Cẩm H và ông Lê Văn K liên đới trả cho vợ chồng bà L, ông B số tiền vốn vay còn nợ là 48.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Tấn B khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm H và ông Lê Văn K trả tiền nợ vay, đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Các đương sự cư trú tại xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Phạm Tấn B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Cẩm H và ông Lê Văn K liên đới trả cho ông Phạm Tấn B, bà Phạm Thị Ánh L số tiền vay còn nợ là 48.000.000đ, không yêu cầu tiền lãi. Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H, ông Lê Văn K thừa nhận có nợ vợ chồng ông B tiền vốn vay là 50.000.000 đồng nhưng từ tháng 02 năm 2018 đến tháng 09 năm 2018 có trả tiền vốn vay được 07 lần tổng cộng là 10.500.000 đồng; vợ chồng ông B thừa nhận vợ chồng bà H, ông K có trả tiền nhiều lần tổng cộng 10.500.000 đồng, trong đó có 2.000.000 đồng trả tiền vốn vay, 8.500.000 đồng trả tiền lãi. Xét lời trình bày của vợ chồng ông B, bà L là không có cơ sở vì sau khi vợ chồng bà H, ông K bể nợ khoảng giữa năm 2017, sau đó vài tháng (khoảng 3 đến 4 tháng) vợ chồng bà H có trả cho ông B 2.000.000 đồng tiền vốn vay, số tiền 8.500.000 đồng là tiền lãi là không phù hợp vì thời gian từ cuối năm 2017 đến tháng 9 năm 2018 khoảng 12 tháng, số tiền đóng tiền lãi 500.000 đồng/01 tháng thì số tiền trả lãi 8.500.000 đồng là không hợp lý, đồng thời vợ chồng bà H trình bày các lần trả tiền mỗi lần trả 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng, thời gian trả từ đầu năm 2018 đến tháng 9 năm 2018 là phù hợp tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của các đương sự xác định số tiền 8.500.000 đồng là tiền vợ chồng bà H trả vốn vay nên số tiền vốn vay 48.000.000 đồng – 8.500.000 đồng đã trả, số tiền vốn vay còn nợ là 39.500.000 đồng. Cho nên

Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của ông Phạm Tấn B và bà Phạm Thị Ánh L, buộc bà Nguyễn Thị Cẩm H và ông Lê Văn K liên đới trả cho ông B, bà L số tiền vay còn nợ là 39.500.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định:

"*1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".*

Các đương sự không yêu cầu xem xét tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận một phần, nên bị đơn phải chịu phần án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được tòa án chấp nhận là có căn cứ, phù hợp với khoản 2, 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2, 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Phạm Tấn B và bà Phạm Thị Ánh L.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm H và ông Lê Văn K liên đới trả cho ông Phạm Tấn B và bà Phạm Thị Ánh L số tiền vay còn nợ là 39.500.000 đồng (Ba mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng), không phải trả tiền lãi.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Bà Nguyễn Thị Cẩm H và ông Lê Văn K phải nộp 1.975.000 đồng (Một triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Phạm Tấn B và bà Phạm Thị Ánh L phải nộp 425.000 đồng (Bốn trăm, hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0002675, ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Ông Phạm Tấn B được nhận lại 825.000 đồng.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (17/4/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT**;**
- VKSND H.Lai Vung**;**
- CC THA-DS H.Lai Vung;
- Các đ/s;
- Lưu: HS (Q), AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Huỳnh Thị Bích Huyền